| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 105/TTr-UBND | *Đồng Xoài, ngày 24 tháng 6 năm 2022* |

# TỜ TRÌNH
## Về việc đề nghị thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 14/7/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn 05 năm, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 213/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về Quyết định sử dụng nguồn dự phòng đầu tư trung hạn; Quyết định bổ sung danh mục và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 12/CV-HĐND ngày 14/3/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua bổ sung danh mục, kế hoạch vốn và sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố thông kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022, cụ thể như sau:

**I. Nguồn vốn và cơ cấu phân bổ nguồn vốn đầu tư XDCB năm 2022.**

Nguồn vốn đầu tư XDCB điều chỉnh năm 2022 là: 498 tỷ 170 triệu đồng (*chi tiết biểu số 01 kèm theo)*. Cụ thể như sau:

**1. Vốn ngân sách tỉnh giao thành phố chủ đầu tư:** 137 tỷ 189 triệu đồng[1].

**2. Nguồn vốn đầu tư từ NS thành phố:** 360 tỷ 981 triệu đồng[2].

---

[1] Vốn ngân sách TW: 30 tỷ đồng; vốn XDCB tập trung 44 tỷ 189 triệu đồng; Thu SDĐ của tỉnh 63 tỷ đồng.

[2] Vốn tăng thu thường xuyên để bố trí đầu tư: 29 tỷ 400 đồng; Thu tiền sử dụng đất: 251 tỷ đồng *(gồm: Thu bán đấu giá QSDĐ 215 tỷ đồng, Thu CMĐSDĐ 36 tỷ đồng);* Vốn hỗ trợ có mục tiêu NS tỉnh cho thành phố (vốn sự

Tổng nguồn vốn đầu tư XDCB của NS thành phố: 360 tỷ 981 triệu đồng, phân bổ cho 56 công trình và một số nội dung khác, gồm: 24 công trình chuyển tiếp và vốn bố trí chờ quyết toán; 25 công trình đầu tư mới năm, bố trí nguồn bổ sung (hỗ trợ có mục tiêu cho phường Tiến Thành) và KH&CN; dự án chuẩn bị đầu tư năm 2023-2025 cho 07 công trình (*chi tiết biểu số 02*). Gồm:

*a). Các công trình chuyển tiếp*: Vốn bố trí 144 tỷ 501 triệu đồng, chiếm 40,03% kế hoạch vốn đầu tư XDCB điều chỉnh năm 2022, phân bổ cho 24 công trình và vốn chờ quyết toán[3].

*b). Các công trình đầu tư mới:* Vốn bố trí 210 tỷ 480 triệu đồng, chiếm 58,31% kế hoạch vốn đầu tư XDCB điều chỉnh năm 2022, phân bổ 25 công trình đầu tư mới năm 2022, bố trí nguồn bổ sung (hỗ trợ có mục tiêu cho phường Tiến Thành) và lĩnh vực KH&CN[4].

*c) Các công trình chuẩn bị đầu tư cho năm 2023-2025:* Vốn bố trí 01 tỷ đồng, phân bổ cho 07 công trình chuẩn bị đầu tư.

*d) Vốn bổ sung (hỗ trợ) có mục tiêu:* Vốn bố trí 05 tỷ đồng, chiếm 1,38% bố trí cho các phường, xã san ủi mặt bằng các tuyến đường quy hoạch vận động các hộ dân trả lại đất (hiến đất) làm đường.

**II. Một số giải pháp thực hiện.**

Xác định giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của năm 2022, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện cao nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong năm.

Đẩy mạnh giải ngân đi đôi với đảm bảo chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị được giao làm Chủ đầu tư dự án, có chế tài nghiêm khắc các Chủ đầu tư chậm triển khai và giải ngân vốn đầu tư công. Để hoàn thành khối lượng xây dựng các công trình và giải ngân đạt từ 95% kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố đề ra một số giải pháp sau:

**1.** Thành lập Tổ đôn đốc công tác đầu tư và giải ngân vốn XDCB năm 2022 do lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố làm tổ trưởng, các đơn vị phòng, ban liên

---

nghiệp có tính chất đầu tư) 65 tỷ 700 triệu đồng; Vốn kết dư XDCB tư các năm trước chuyển sang 25 tỷ 101 triệu đồng; Dự phòng ngân sách cho lĩnh vực đầu tư: (- 10 tỷ 220 triệu đồng).

[3] Giáo dục 03 công trình, kế hoạch vốn: 18 tỷ đồng; Giao thông- hạ tầng kỹ thuật 09 công trình, kế hoạch vốn: 43 tỷ 192 triệu đồng; Quy hoạch 04 dự án, kế hoạch vốn: 28 tỷ 800 triệu đồng; Thương mại - Dịch vụ 01 dự án, kế hoạch vốn: 200 triệu đồng; Quốc phóng 01 công trình, kế hoạch vốn 09 tỷ đồng; GPMB 05 dự án, kế hoạch vốn: 38 tỷ đồng; Văn hóa- xã hội 01 công trình, kế hoạch vốn 04 tỷ đồng; Vốn bố trí công tác chờ quyết toán: 03 tỷ 309 triệu đồng.

[4] Giáo dục 04 công trình, kế hoạch vốn: 34 tỷ 200 triệu đồng; Giao thông-hạ tầng kỹ thuật 19 công trình và hỗ trợ có mục tiêu, kế hoạch vốn: 147 tỷ 280 triệu đồng; Văn hóa- xã hội 01 công trình, kế hoạch vốn 17 tỷ đồng; GPMB 01 dự án, kế hoạch vốn: 06 tỷ đồng; Khoa học- công nghệ, kế hoạch vốn: 06 tỷ đồng.

quan tham gia nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các Chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

**2. Đối với các chủ đầu tư:**

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ thực hiện dự án và kết quả giải ngân vốn đầu tư công. Tiếp tục có giải pháp hiệu quả tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với từng dự án chậm tiến độ, chậm giải ngân, nhất là công tác giải phóng mặt bằng các dự án. Tập trung hoàn thành công tác đo vẽ bản đồ và cắm mốc các tuyến đường theo quy hoạch giao xã, phường vận động các hộ dân tự nguyện trả lại đất (hiến đất), ưu tiên các dự án đầu tư mới năm 2022 và chuẩn bị đầu tư năm 2023. Hoàn thiện thủ tục khởi công các dự án đầu tư mới còn lại trong tháng 7/2022.

- Tăng cường công tác giám sát thi công, đôn đốc nhà thầu thi công đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình. Tổ chức nghiệm thu từng giai đoạn của dự án, khẩn trương hoàn thiện hồ sơ làm thủ tục để thanh toán với KBNN, không để dồn khối lượng thanh toán dồn vào cuối năm. Sau khi công trình hoàn thành, tổng hợp hồ sơ quyết toán và bàn giao cho đơn vị sử dụng đúng thời gian quy định.

- Có chế tài xử lý nghiêm khắc đối với các nhà thầu vi phạm tiến độ xây dựng, chất lượng công trình, chậm làm thủ tục thanh quyết toán công trình hoàn thành và vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký kết.

**3. Đối với các đơn vị được giao đấu giá quyền sử dụng đất:**

*3.1. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố:* chủ trì phối hợp với phòng Quản lý đô thị, phòng Tài chính - Kế hoạch, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố và Ủy ban nhân dân các phường, xã: Tập trung hoàn thiện thủ tục tổ chức đấu giá đất công đợt 1, đợt 2 và đợt 3 (theo chủ trương của Thành ủy) để tạo nguồn vốn thanh toán khối lượng hoàn thành của các dự án.

*3.2. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố:* phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố và các phòng ban chuyên môn thành phố, Ủy ban nhân dân các phường, xã rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tạo lập quỹ đất công để tổ chức bồi thường, GPMB, đấu giá tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng của thành phố các năm tiếp theo.

**4. Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố:** chủ trì phối hợp cùng các đơn vị liên quan và chủ đầu tư:

- Tham mưu bố trí đủ nguồn vốn cho các dự án theo kế hoạch. Trong trường hợp hụt thu tiền sử dụng đất, tạm mượn các nguồn khác để nhập vốn đầu tư nếu dự án có khối lượng thanh toán hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phương án cắt giảm, giãn tiến độ thực hiện dự án theo quy định tại Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tiến độ giải ngân vốn đầu tư. Đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định điều chuyển vốn đối với các dự án đến hết tháng 10/2022 có tỷ lệ giải ngân vốn đạt dưới 70% kế hoạch sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt và có nhu cầu bổ sung vốn theo quy định, phấn đấu tỷ lệ giải ngân vốn năm 2022 đạt trên 95%.

- Đôn đốc các Chủ đầu tư thực hiện quyết toán các dự án hoàn thành, thanh toán tạm ứng với KBNN và tất toán công trình, nhất là đối với các công trình nợ tạm ứng quá hạn.

Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, thông qua./.

***Nơi nhận:***
-Như trên;
-CT, các PCT UBND thành phố;
-Đại biểu HĐND thành phố;
-Phòng TC-KH thành phố;
-LĐVP, CV: KT;
-Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Minh Bình**

**Biểu số: 01**

# NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XDCB ĐIỀU CHỈNH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

*(kèm theo Tờ trình số: 105 /TTr - UBND ngày 24 tháng 6 năm 2022 của UBND thành phố Đồng Xoài).*

| STT | NỘI DUNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ | Nguồn vốn đầu năm 2022 | Nguồn vốn điều chỉnh năm 2022 | Tăng (+), giảm (-) | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4-3 | 4 |
| **I** | **Vốn ngân sách tỉnh giao thành phố làm chủ đầu tư năm 2022 (I+II)** | **167.189** | **137.189** | **(30.000)** | |
| **1** | **Các công trình chuyển tiếp** | **102.189** | **82.189** | **(20.000)** | |
| *1.1* | *Xử lý cấp bách dự án thoát lũ Suối Đá - NSTW* | *30.000* | *30.000* | - | |
| *1.2* | *Xây dựng trường MN Họa Mi, thị xã Đồng Xoài (giai đoạn 2)* | *189* | *189* | - | |
| *1.3* | *Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ Nguyễn Bình đến QL14 và từ đường Lê Duẩn đến Trần Phú)* | *60.000* | *44.000* | *(16.000)* | |
| *1.4* | *XD đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường PRĐ đến đường Nguyễn Huệ - P.Tân Đồng)* | *12.000* | *8.000* | *(4.000)* | |
| **2** | **Vốn đầu tư các công trình mới** | **65.000** | **55.000** | **(10.000)** | |
| *2.1* | *Xây dựng đường vào trại giam An Phước.* | *45.000* | *45.000* | - | |
| *2.2* | *XD đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)* | *20.000* | *10.000* | *(10.000)* | |
| **II** | **Vốn đầu tư của ngân sách thành phố (1+2+3+4+5)** | **414.680** | **360.981** | **(53.699)** | |
| 1 | Vốn phân cấp từ ngân sách tỉnh | 29.400 | - | (29.400) | |
| 2 | Vốn tăng thu thường xuyên để bố trí đầu tư | | 29.400 | 29.400 | |
| 3 | Thu tiền sử dụng đất | 341.300 | 251.000 | (90.300) | |
| 1.1 | Thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất toàn thành phố *(60 tỷ đồng *60% = 36 tỷ đồng)* | 36.000 | 36.000 | - | |
| 1.2 | Thu tiền bán đấu giá đất của thành phố *(215 tỷ đồng)* | 305.300 | 215.000 | (90.300) | |
| *a* | *Bán đấu giá QSDĐ các lô đất công của thành phố đã phê duyệt năm 2020* | *105.300* | *109.800* | *4.500* | |
| *b* | *Bán đấu giá QSDĐ các lô đất chợ Tân Thành (72 lô x 1,79 tỷ đồng/lô x 70% các lô đấu giá thành)* | *99.600* | *90.200* | *(9.400)* | |
| *c* | *Bán đấu giá QSDĐ điểm lẻ trường mầm non Hoa Cúc (đường Lý Thường Kiệt)* | *15.000* | *15.000* | - | |
| *d* | *Bán đấu giá QSDĐ lô đất tiếp giáp đường quy hoạch số 3 (đường quy hoạch số 12) với đường Phú Riềng Đỏ* | *10.500* | - | *(10.500)* | |
| *đ* | *Bán đấu giá một số khu đất công khác qua rà soát* | *74.900* | - | *(74.900)* | |
| 3 | Vốn hỗ trợ có mục tiêu NS tỉnh cho thành phố (vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư) | 49.700 | 65.700 | 16.000 | |
| 4 | Kết dư vốn XDCB từ năm 2021 về trước chuyển sang | | 25.101 | 25.101 | |
| 5 | Dự phòng ngân sách cho lĩnh vực đầu tư | (5.720) | (10.220) | (4.500) | |
| | **TỔNG CỘNG (A+B)** | **581.869** | **498.170** | **(83.699)** | |

Biểu số 02

# KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2022

*(kèm theo Tờ trình số: 105 /TTr - UBND ngày 24 tháng 6 năm 2022 của UBND thành phố Đồng Xoài).*

*(Đơn vị tính: Triệu đồng)*

| STT | DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH | DỰ TOÁN | LŨY KẾ THANH TOÁN HẾT NĂM 2021 | KẾ HOẠCH ĐẦU NĂM 2022 | | | CHỦ ĐẦU TƯ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Kế hoạch đầu năm | Kế hoạch điều chỉnh | Tăng (+), giảm (-) | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | 7=6-5 | 6 |
| **I** | **CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP** | **681.200** | **236.747** | **225.200** | **144.501** | **(80.699)** | |
| **1** | **Giáo dục** | **38.000** | **19.000** | **18.000** | **18.000** | **-** | |
| 1.1 | Xây dựng 18 phòng học lầu Trường Tiểu học Tiến Thành | 11.000 | 7.000 | 4.500 | 3.500 | (1.000) | Ban QLCDA |
| 1.2 | Xây dựng 18 phòng học lầu Trường THCS Tân Xuân | 20.000 | 12.000 | 9.000 | 8.000 | (1.000) | Ban QLCDA |
| 1.3 | Trang thiết bị phòng học bộ môn còn thiếu | 7.000 | - | 4.500 | 6.500 | 2.000 | Phòng GD-ĐT |
| **2** | **Giao thông- Hạ tầng kỹ thuật** | **310.859** | **188.245** | **36.600** | **43.192** | **6.592** | |
| 2.1 | GPMB + XD đường nối Đặng Thai Mai - Lý Thường Kiệt | 68.962 | 63.327 | 5.000 | 5.000 | - | Ban QLCDA |
| 2.2 | GPMB + XD đường QH số 18 (đoạn từ Lê Duẩn đến Võ Văn Tần) | 31.917 | 29.543 | 2.000 | 2.000 | - | Ban QLCDA |
| 2.3 | GPMB + XD đường Trường Chinh *(đoạn từ QL14 đến đường vành đai khu CN Đồng Xoài III)* | 79.800 | 46.153 | 10.000 | 12.400 | 2.400 | Ban QLCDA |
| 2.4 | Xây dựng đường vành đai phía nam Đồng Xoài (đoạn qua phường Tân Bình) | 60.000 | 45.978 | 10.000 | 10.000 | - | Ban QLCDA |
| 2.5 | Xây dựng đường An Dương Vương nối dài *(đường QH số 48)* phường Tân Phú *(đoạn từ QL14 đến đường Hồ Xuân Hương),* thành phố Đồng Xoài | 50.000 | - | 1.000 | 1.000 | - | Ban QLCDA |
| 2.6 | Xây dựng đường QH số 4 (từ đường QH18 đến đường Nguyễn Đức Cảnh) và đường Đoàn Thị Điểm (từ đường CMT8 đến đường QH số 4), phường Tân Phú | 5.000 | 2.736 | 2.300 | 2.000 | (300) | Phòng QLĐT |
| 2.7 | Lắp hệ thống điện, cấp thoát nước và san lấp mặt bằng chợ Tân Thành | 3.180 | - | 1.000 | 3.000 | 2.000 | Ban QLCDA |
| 2.8 | GPMB + chỉnh trang vỉa hè và ngã rẽ đường Hai Bà Trung | 6.000 | - | 3.000 | 3.000 | - | Ban QLCDA |
| 2.9 | Chặt hạ cây, vét một số đoạn khơi thông dòng chảy suối Rạt (qua phường Tân Đồng, Tân Xuân, Tân Thiện) | 6.000 | 508 | 2.300 | 4.792 | 2.492 | |
| *a* | *Chặt hạ cây, vét một số đoạn khơi thông dòng chảy suối Rạt qua phường Tân Đồng* | *2.300* | *182* | *1.000* | *1.818* | *818* | *UBND phường Tân Đồng* |
| *b* | *Chặt hạ cây, vét một số đoạn khơi thông dòng chảy suối Rạt qua phường Tân Thiện* | *1.700* | *130* | *500* | *1.370* | *870* | *UBND phường Tân Thiện* |
| *c* | *Chặt hạ cây, vét một số đoạn khơi thông dòng chảy suối Rạt qua phường Tân Xuân* | *2.000* | *196* | *800* | *1.604* | *804* | *UBND phường Tân Xuân* |
| **3** | **Quy hoạch** | **43.820** | **6.991** | **14.800** | **28.800** | **14.000** | |
| 3.1 | Đo đạc, cắm mốc các tuyến đường quy hoạch | 20.000 | 6.991 | 5.000 | 7.000 | 2.000 | Phòng TN-MT |
| 3.2 | Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1:2000 P. Tiến Thành, P. Tân Bình và P. Tân Thiện | 2.910 | - | 800 | 2.800 | 2.000 | Phòng QLĐT |
| 3.3 | Quy hoạch tỷ lệ 1:2000 Khu vực Tiến Hưng | 10.050 | - | 4.000 | 9.000 | 5.000 | Phòng QLĐT |
| 3.4 | Quy hoạch tỷ lệ 1:2000 Khu vực Tân Thành | 10.860 | - | 5.000 | 10.000 | 5.000 | Phòng QLĐT |
| **4** | **Thương mại - Dịch vụ** | **13.750** | **13.501** | **9.000** | **200** | **(8.800)** | |
| 4.1 | Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa chợ Đồng Xoài | 13.750 | 13.501 | 9.000 | 200 | (8.800) | Phòng QLĐT |

| STT | DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH | DỰ TOÁN | LŨY KẾ THANH TOÁN HẾT NĂM 2021 | KẾ HOẠCH ĐẦU NĂM 2022 | | | CHỦ ĐẦU TƯ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Kế hoạch đầu năm | Kế hoạch điều chỉnh | Tăng (+), giảm (-) | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | 7=6-5 | 6 |
| **5** | **Quốc phòng** | **10.000** | **-** | **7.000** | **9.000** | **2.000** | |
| 5.1 | Xây dựng cổng+ hàng rào phía trước + nhà bảo vệ+ giếng khoan và đường điện trung, hạ thế và TBA khu vực hậu cần kỹ thuật Ban Chỉ huy quân sự thành phố | 10.000 | - | 7.000 | 9.000 | 2.000 | Ban CHQS TP |
| **6** | **Giải phóng mặt bằng** | **254.771** | **6.010** | **132.800** | **38.000** | **(94.800)** | |
| 6.1 | GTĐB Công viên cây xanh xã Tiến Hưng (*nghĩa trang xã Tiến Hưn* g) thị xã (nay là thành phố) Đồng Xoài | 5.500 | 4.524 | 800 | 800 | - | XN CT-CC |
| 6.2 | Dự án Nghĩa trang Đồng Xoài 2, ấp Bưng Sê xã Tân Thành | 9.971 | 1.486 | 5.000 | 5.000 | - | XN CT-CC |
| 6.3 | Đường Võ Văn Tần (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Tôn Đức Thắng) phường Tân Bình | 30.000 | - | 18.000 | 18.000 | - | Ban QLCDA |
| 6.4 | Dự án khu quy hoạch trụ sở Công an thành phố Đồng Xoài, trường Tiểu học Tân Bình và khu dân cư dịch vụ hỗn hợp phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài | 200.000 | - | 100.000 | 5.200 | (94.800) | Ban QLCDA |
| 6.5 | GPMB xây dựng đường vành đai phía nam Đồng Xoài (đoạn qua phường Tân Bình) | 9.300 | - | 9.000 | 9.000 | - | Ban QLCDA |
| **7** | **Văn hoá - Xã hội** | **7.000** | **3.000** | **4.000** | **4.000** | **-** | |
| 7.1 | Xử lý mặt bằng khu đất công Hồ Suối Cam I, cải tạo thành vườn hoa Thành phố Đồng Xoài | 7.000 | 3.000 | 4.000 | 4.000 | - | Xí nghiệp CTCC |
| **8** | **Vốn bố trí cho các công trình chờ Quyết toán** | **3.000** | | **3.000** | **3.309** | **309** | |
| **II** | **CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2022** | **390.500** | **1.676** | **188.480** | **210.480** | **22.000** | |
| **1** | **Giáo dục** | **49.200** | **910** | **28.200** | **34.200** | **6.000** | |
| 1.1 | Xây dựng 12 phòng học và nhà thi đấu đa năng trương TH Tân Phú C | 13.000 | 320 | 5.000 | 7.000 | 2.000 | Ban QLCDA |
| 1.2 | Xây dựng 10 phòng chức năng và 08 phòng học lầu trường TH Tân Bình B | 15.000 | 360 | 6.000 | 8.000 | 2.000 | Ban QLCDA |
| 1.3 | Xây dựng 12 phòng học lầu trường TH Tân Xuân B | 8.000 | 230 | 4.000 | 6.000 | 2.000 | Ban QLCDA |
| 1.4 | Duy tu, sửa chữa lớn CSVC các trường MN, TH, THCS công lập trên địa bàn. | 13.200 | | 13.200 | 13.200 | - | Phòng QLĐT |
| **2** | **Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật** | **279.300** | **766** | **131.280** | **147.280** | **16.000** | |
| 2.1 | GPMB+ xây dựng phần còn lại đường Lê Lợi và các tuyến đường tiếp giáp Công viên Xoài, P. Tân Phú | 16.000 | 75 | 6.000 | 6.000 | - | Ban QLCDA |
| 2.2 | Xây dựng đường Quy hoạch số 11 (đường quy hoạch số 2) đoạn từ Phú Riềng Đỏ đến khu TTHC Tân Đồng | 15.500 | 400 | 8.000 | 8.000 | - | Ban QLCDA |
| 2.3 | Chi phí GPMB dự án: Xây dựng đường Võ Văn Tần (đoạn từ đường số 31 đến đường Trường Chinh) | 80.000 | - | 5.480 | 5.480 | - | Ban QLCDA |
| 2.4 | Xây dựng đường Phan Bội Châu | 60.000 | 291 | 20.000 | 20.000 | - | Ban QLCDA |
| 2.5 | Cải tạo, nâng cấp 11 tuyến đường trên địa bàn phường Tân Phú | 13.645 | | 13.645 | 13.645 | - | Phòng QLĐT |
| 2.6 | Cải tạo, nâng cấp 07 tuyến đường khu TTTM trên địa bàn phường Tân Bình | 10.395 | | 10.395 | 10.395 | - | |
| 2.7 | Cải tạo, nâng cấp 06 tuyến đường (khu Sở NN-PTNT tỉnh) trên địa bàn phường Tân Bình | 7.060 | | 7.060 | 7.060 | - | |
| 2.8 | Cải tạo, nâng cấp đường Lê Quý Đôn (từ Phú Riềng Đỏ đến ngã tư Sóc Miên) phường Tân Xuân-Tân Thiện | 10.715 | | 10.715 | 10.715 | - | |
| 2.9 | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nhựa (QL14-K23-Thuận Phú) xã Tân Thành | 4.545 | | 4.545 | 4.545 | - | |
| 2.10 | Cải tạo, nâng cấp 06 tuyến đường trên địa bàn phường Tân Đồng | 10.360 | | 10.360 | 10.360 | - | |

| STT | DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH | DỰ TOÁN | LŨY KẾ THANH TOÁN HẾT NĂM 2021 | KẾ HOẠCH ĐẦU NĂM 2022 | | | CHỦ ĐẦU TƯ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Kế hoạch đầu năm | Kế hoạch điều chỉnh | Tăng (+), giảm (-) | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | 7=6-5 | 6 |
| 2.11 | Nâng cấp, sửa chữa, làm cống hộp đầu tuyến, nạo vét, thu gom nước thải sinh hoạt... mương thoát nước Lê Quý Đôn, khu phố Xuân Lộc và Tân Xuân, phường Tân Xuân | 8.000 | | 8.000 | 8.000 | - | UBND phường Tân Xuân |
| 2.12 | Đường từ Lê Quý Đôn đến ngã 3 (KP Suối Đá, KP Phước Bình), phường Tân Xuân | 6.500 | | 6.500 | 6.500 | - | |
| 2.13 | Làm đường BTXM 2 bên mương thoát nước Lê Quý Đôn, khu phố Xuân Lộc và Tân Xuân, phường Tân Xuân | 7.000 | | 7.000 | 7.000 | - | UBND phường Tân Xuân |
| 2.14 | Lắp đặt, cải tạo hệ thống chiếu sáng đường Nguyễn Huệ thuộc các phường Tân Xuân, Tân Thiện, Tân Đồng | 2.500 | | 2.500 | 2.500 | - | Phòng KT |
| 2.15 | Đo vẽ, cắm mốc, nạo vét, mở rộng và làm đường sỏi đỏ hai bên suối (từ Phú Riềng Đỏ đến suối Rạt), phường Tân Đồng | 5.500 | | 5.500 | 5.500 | - | UBND phường Tân Đồng |
| 2.16 | Đường sỏi đỏ từ ngã năm đi khu phố 4, phường Tân Đồng | 1.900 | | 1.900 | 1.900 | - | |
| 2.17 | Nâng cấp, cải tạo đường tư KCN Đồng Xoài II đi xã Tiến Hưng (địa bàn phường Tiến Thành) | 2.000 | | 2.000 | 2.000 | - | UBND phường |
| 2.18 | Thay thế tấm đan bị hư hỏng, lưới chắn rác.... một số tuyến đường trên địa bàn thành phố | 10.000 | | | 10.000 | 10.000 | Phòng QLĐT |
| 2.19 | Nạo vét cống, hố ga... một số tuyến đường khu trung tâm thành phố Đồng Xoài | 6.000 | | | 6.000 | 6.000 | |
| 2.20 | Bổ sung (hỗ trợ) có mục tiêu nguồn vốn thanh toán các công trình NTM phường Tiến Thành | 1.680 | | 1.680 | 1.680 | - | UBND phường Tiến Thành |
| **3** | **Văn hoá - Xã hội** | **50.000** | **-** | **17.000** | **17.000** | **-** | |
| 3.1 | Xây dựng quảng trường thành phố Đồng Xoài | 50.000 | - | 17.000 | 17.000 | - | Ban QLCDA |
| **4** | **Giải phóng mặt bằng** | **6.000** | **-** | **6.000** | **6.000** | **-** | |
| 4.1 | Giải phóng mặt bằng 22ha đất thao trường huấn luyện (đất quốc phòng) | 6.000 | | 6.000 | 6.000 | - | Ban CHQS TP |
| **5** | **Khoa học công nghệ (dự án XD thành phố thông minh và chính quyền điện tử năm 2022)** | **6.000** | **-** | **6.000** | **6.000** | **-** | Văn phòng HĐND&UBND |
| **III** | **VỐN BỐ TRÍ CHUẨN BỊ ĐẦU ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2023-2025** | **320.000** | **-** | **1.000** | **1.000** | **-** | |
| 1 | Xây dựng 10P học lầu và 05 phòng học bộ môn Trường TH Tân Phú B | 11.000 | | 250 | 100 | (150) | Ban QLCDA |
| 2 | Xây dựng 10P học lầu và 05 phòng học bộ môn Trường TH Tân Đồng | 11.000 | | 250 | 100 | (150) | Ban QLCDA |
| 3 | Xây dựng 09 phòng học lầu trường TH Tân Bình | 6.000 | | 150 | 100 | (50) | Ban QLCDA |
| 4 | Xây dựng 21 phòng học, phòng học bộ môn, chức năng trường THCS Tiến Thành | 20.000 | | 350 | 150 | (200) | Ban QLCDA |
| 5 | GPMB + XD hoàn thiện các tuyến đường khu dân cư và đất xây dựng trụ sở ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh. | 37.000 | | | 150 | 150 | Ban QLCDA |
| 6 | Dự án đường Nguyễn Văn Trỗi (QH34) đoạn từ QL14 đến TTHC phường Tân Thiện (bao gồ cả ĐBGT và xây dựng) | 185.000 | | | 250 | 250 | Ban QLCDA |
| 7 | Cắm mốc và đo vẽ bản đồ các tuyến đường quy hoạch trên địa bàn (đợt 2) | 50.000 | | | 150 | 150 | Phòng TN-MT |
| **IV** | **VỐN HỖ TRỢ (BỔ SUNG) CÓ MỤC TIÊU CÁC PHƯỜNG-XÃ** | **5.000** | **-** | **-** | **5.000** | **5.000** | |
| 1 | Bổ sung có mục tiêu kinh phí san ủi mặt bằng các tuyến đường giao thông theo Quy hoạch và các nội dung khác | 5.000 | | | 5.000 | 5.000 | |
| | **TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)** | **1.396.700** | **238.423** | **414.680** | **360.981** | **(53.699)** | |